

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2024.

V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lưu Duy Mạnh
- + Ông Phan Văn Duy.
- + Ông Phạm Minh Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang** tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 339/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 31/07/1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:**

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Quốc T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010 và tiến hành đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G. Vợ chồng sống hạnh phúc được một

khoảng thời gian đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện anh T và chị P sống ly thân từ tháng 05/2023 cho đến nay. Nay thấy không còn tình cảm với anh T nên chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quán T1.

- *Về con chung*: Hai vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 06/01/2020; Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 06/10/2011 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 19/12/2012. Chị P yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu D và cháu D1; đồng thời, chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, chị P giao cháu Đ cho anh T1 trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và chị P chưa cấp dưỡng nuôi cháu Đ.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn Nguyễn Quốc T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa xét xử sơ thẩm dù được Tòa án triệu tập họp lệ.**

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày

06/01/2020; Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 06/10/2011 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 19/12/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Quốc T chưa yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Do chị Nguyễn Thị P yêu cầu tự thỏa thuận nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị P trình bày không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Quốc T cư trú tại ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Quốc T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 128/2012 ngày 15/11/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa chị P và anh T thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm rạn nứt. Chị P và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 05/2023 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, từ đó chứng tỏ anh T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã thực sự trầm trọng. Ngoài ra, yêu cầu xin ly

hôn của chị P là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Quốc T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 06/01/2020; Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 06/10/2011 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 19/12/2012. Hiện cháu D và D1 do chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; cháu Đ do anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị P yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu D và cháu D1; đồng thời, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, chị P giao cháu Đ cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và chị P chưa cấp dưỡng nuôi cháu Đ.

Xét thấy, hiện nay hai cháu D và D1 đang có cuộc sống ổn định bên chị P nếu thay đổi chỗ ở, môi trường sống của cháu sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển toàn diện của cháu; trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D1 cũng có nguyện vọng sống với chị P. Do đó, việc giao hai cháu D và D1 cho chị P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, hợp lý và phù hợp với tình hình thực tại.

Xét thấy, hiện nay hai cháu Đ đang có cuộc sống ổn định bên anh T nếu thay đổi chỗ ở, môi trường sống của cháu sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển toàn diện của cháu. Do đó, việc giao hai cháu Đ cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, hợp lý và phù hợp với tình hình thực tại.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị P chưa yêu cầu anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Thành D và cháu Nguyễn Thị Thùy D1 và anh Nguyễn Quốc T chưa yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thành Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Do chị Nguyễn Thị P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm b Khoản 2 Điều 227; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2. *Về con chung:*

- Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 06/01/2020; Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 06/10/2011 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 19/12/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quốc T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị P chưa yêu cầu; Chị Nguyễn Thị P chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Quốc T chưa yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị K đã nộp theo biên lai thu số 0029042 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị K đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh